

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T.S
TỈNH BẮC NINH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 26/11/2021

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T.S, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Xuân Hải, ông Nguyễn Đăng Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đàm Thu Hương- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T.S, tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T.S tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố T.S, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 179/2021/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2021 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1982; Nơi đăng ký HKTT: Số nhà 14 ngõ 01 khu phố H.Q.V, phường Đ.N, thành phố T.S, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt.

Bị đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1981; Nơi đăng ký HKTT: Số nhà 14 ngõ 01 khu phố H.Q.V, phường Đ.N, thành phố T.S, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là anh Nguyễn Đức T trình bày: Anh và chị Phạm Thị H chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu từ năm 2005 và có tổ chức đám cưới theo phong tục truyền thống nhưng chưa đăng ký kết hôn, đến ngày 17/4/2015 mới đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ.N, thành phố T.S, tỉnh Bắc Ninh. Trong cuộc sống vợ chồng không phát sinh mâu thuẫn. Năm 2019 anh T có quan hệ với chị Cao Thị H1 và có con chung. Tháng 11 năm 2020, anh T đã làm đơn ly hôn gửi Tòa án, sau đó rút đơn vợ chồng

đoàn tụ. Giữa anh và chị H không hợp nhau về công việc nhưng chưa đến mức gia đình, hàng xóm hay các tổ chức đoàn thể phải hòa giải. Thực tế vợ chồng vẫn quan tâm, chăm sóc nhau và vẫn sinh hoạt tình dục. Anh biết quan hệ hôn nhân giữa anh và chị H là hợp pháp còn quan hệ với chị H1 không hợp pháp. Vì không thể dung hòa mối quan hệ giữa hai người phụ nữ nên anh xin ly hôn chị H.

Về con chung: Anh T và chị H có 01 con chung là cháu Nguyễn Đức Th, sinh ngày 10/8/2005. Hiện tại cháu Th đang ở với chị H và ông bà nội. Khi ly hôn, anh T có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con. Anh đang làm kinh doanh tự do, thu nhập khoảng 7.000.000 đồng/tháng. Anh không có tài liệu chứng cứ để chứng minh thu nhập.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Anh T xác định không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai và các lời khai tại Tòa án án, bị đơn là chị Phạm Thị H trình bày: Chị công nhận lời trình bày của anh T về thời điểm kết hôn, tình trạng hôn nhân là đúng. Chị vẫn còn tình cảm với anh T và mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con. Giữa chị và anh T không có mâu thuẫn gì. Chị vẫn ở cùng với bố mẹ anh T, chăm sóc con và bố mẹ anh T. Cuộc sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Anh T vẫn quan tâm, chăm sóc chị và con. Hai vợ chồng vẫn sinh hoạt tình dục. Anh T xin ly hôn vì muốn hợp thức hóa quan hệ với người phụ nữ tên H1. Vì vậy, chị không đồng ý ly hôn. Chị đề nghị Tòa án bác yêu cầu ly hôn của anh T.

Về con chung như anh T trình bày là đúng và đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Hiện tại chị không có thai. Chị làm nhân viên bán hàng, thu nhập 4.000.000 đồng/tháng. Chị không có tài liệu chứng minh thu nhập.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Chị đã được Tòa án giải thích về việc làm đơn khởi kiện đối với yêu cầu chia tài sản, cung cấp tài liệu chứng cứ và phải nộp tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu này nhưng chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề này.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải vụ án theo đúng quy định của pháp luật nhưng không hòa giải được, vì vậy Tòa án Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn chị H. Anh xác nhận vẫn quan tâm, chăm sóc vợ con và vợ chồng vẫn quan hệ tình dục. Về con chung, anh là người trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Đức Th sinh ngày 10/8/2005, không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp không có.

Bị đơn là chị H không đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án bác yêu cầu ly hôn của

anh T vì vợ chồng vẫn còn tình cảm, không có mâu thuẫn, vẫn yêu thương, quan tâm, chăm sóc nhau và vì anh T muốn hợp thức hóa quan hệ với chị H1. Về con chung đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị H không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T.S phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử kể từ khi Toà án thụ lý vụ án cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 8, 9, 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội;

Đề nghị Hội đồng xét xử: Bác yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Đức T.

Không xem xét, giải quyết vấn đề con chung, tài sản chung, công nợ do bác yêu cầu xin ly hôn của anh T.

Về án phí: Anh T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn, con chung nên đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp về con chung” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Bị đơn là chị Phạm Thị H trú tại khu phố H.Q.V, phường Đ.N, thành phố T.S, tỉnh Bắc Ninh nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố T.S, tỉnh Bắc Ninh thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[2] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đức T và chị Phạm Thị H chung sống với nhau từ năm 2005 và đăng ký kết hôn năm 2015, quan hệ hôn nhân là tự nguyện, có đăng ký kết hôn và tuân thủ các điều kiện kết hôn theo quy định của

pháp luật vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Cả hai đều thừa nhận khi chung sống hòa thuận, hạnh phúc đôi khi chỉ có mâu thuẫn nhỏ nhất nhưng chưa đến mức gia đình, hàng xóm cũng như các tổ chức đoàn thể phải hòa giải. Hai vợ chồng vẫn quan tâm, chăm sóc nhau và vẫn quan hệ tình dục. Nguyên nhân anh T xin ly hôn chị H là do anh T chung sống với chị Cao Thị H1 từ năm 2019 và có con chung. Anh T ly hôn chị H để hợp thức hóa quan hệ với chị H1. Tại phiên tòa anh T vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn, chị H không đồng ý ly hôn vì vợ chồng vẫn còn tình cảm, không có mâu thuẫn trong cuộc sống. Theo kết quả xác minh với trưởng khu phố H.Q.V và lời khai của bà Trịnh Thị X là mẹ đẻ của anh T đều khẳng định anh T và chị H sống hòa thuận, hạnh phúc, không có mâu thuẫn. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T về việc xin ly hôn chị H.

Về con chung, tài sản chung, công nợ và công sức đóng góp: Như đã phân tích ở trên, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T nên hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết vấn đề này.

[3] *Về án phí:* Anh T phải chịu phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 8, 9, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội;

Bác yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Đức T về việc xin ly hôn chị Phạm Thị H.

Án phí: Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo tại biên lai thu số AA/2019/0004152 ngày 27/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T.S. Anh T đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố T.S;
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- Cơ quan THADS thành phố T.S;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hồng Thanh